



Mã số/ Ref. No: 10272/2023/PKQ (23.7606)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Nhà máy Thủy điện Thác Mơ - Khu 5 - Phường Thác Mơ - Thị xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations
23.7606.NT.02	Nước thải sinh hoạt

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 13/11/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 22/11/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 14:2008/BTNMT
				23.7606.NT.02	Cột B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,75	5 ÷ 9
2	TDS ^(a,b)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	90	1.000
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	87	100
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10,6	50
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,56	10
6	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	4
7	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	3,445	50
8	PO ₄ ³⁻ (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (MDL=0,01)	10
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL=0,02)	10
10	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	940	5.000
11	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	20

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

Chú thích/ Remarks;

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by


NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director


ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 10276/2023/PKQ (23.7731)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Nhà máy Thủy điện Thác Mơ - Khu 5 - Phường Thác Mơ - Thị xã Phước Long - Tỉnh Bình Phước
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
23.7731.NT.01	Giếng tiêu nhà máy	X=1311569, Y=1310356

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 27/11/2023

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/12/2023

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 14:2008/BTNMT
				23.7731.NT.01	Cột B ⁽¹⁾
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,42	5 ÷ 9
2	TDS ^(a,b)	mg/L	HDCV/ĐN-H19	41	1.000
3	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	37,5	100
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12,8	50
5	NH ₄ ⁺ (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	0,54	10
6	S ²⁻ ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	0,12	4
7	NO ₃ ⁻ (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2017	11,7	50
8	PO ₄ ³⁻ (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,04	10
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2017	KPH (MDL=0,02)	10
10	Coliform ^(a,b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	4x10 ³	5.000
11	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)	20

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
4. (1): Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ)

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

